

Số: 62/2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 85/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung; máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 85/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung; máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Quyết định số 85/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; phục vụ hoạt động chung; máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; UBND cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã, trong các trường hợp sau:

- Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao;

- Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; UBND cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã, trong các trường hợp sau:

- Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao;

- Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg nhưng có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình và mức giá cao hơn theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tự xác định trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc; máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước không trên môi trường số; máy móc, thiết bị trang bị cho phòng tiếp dân, bộ phận một cửa; máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng cho cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; UBND cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.”

2. Bổ sung 02 khoản mới

a) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định số lượng và mức giá tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc;

b) UBND cấp xã quyết định số lượng và mức giá tại các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.”

b) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số

a) Đối với số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trang bị cho các chức danh để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định cho cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc;

- UBND cấp xã quyết định cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã;

b) Đối với số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg đối với các trường hợp còn lại:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định cho cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc đối với các chức danh hoặc tại phòng làm việc;

- UBND cấp xã quyết định cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã đối với các chức danh hoặc tại phòng làm việc;

c) Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg thì mức giá do:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định cho cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc;
- UBND cấp xã quyết định cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp xã.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTraVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TTCB, VP5, VP12.
ĐTT_VP5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Song Tùng